

Phụ lục V
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
SẢN XUẤT KINH DOANH HÀNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT
(Thực hiện theo Nghị định 81/2015/NĐ-CP ngày 18/09/2015 của Chính phủ)

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
TỔNG CÔNG TY CAO SU ĐỒNG NAI
MST: 3600259465

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 29 tháng 06 năm 2018

Số: 508/CSĐN-KHĐT

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN
XUẤT KINH DOANH HÀNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT

1. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm trước.

a) Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm trước:

Trong các năm qua, cụ thể từ năm 2015-2017 Tổng Công ty Cao su Đồng Nai thực hiện tốt các chỉ tiêu sản xuất tài chính được Tập đoàn Công Nghiệp Cao su Việt Nam (đơn vị chủ quản) phê duyệt, cụ thể:

- Sản lượng mủ cao su thu hoạch:	78.257 tấn = 102 % KH
Trong đó thu mua:	14.932 tấn = 124% KH
- Sản lượng mủ cao su tiêu thụ:	93.387 tấn = 97 % KH
- Tổng doanh thu, thu nhập:	4.597,42 tỷ đồng = 105 % KH
- Kim ngạch xuất khẩu:	63.211,26 triệu USD = 85 % KH
- Tổng lợi nhuận trước thuế:	1.473,63 tỷ đồng = 124 % KH
- Nộp ngân sách:	545,03 tỷ đồng = 112 % KH

b) Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh 03 năm trước:

- Quyết định số 34/QĐ-HĐTVCSĐN ngày 24/5/2016 của Hội đồng Thành viên phê duyệt dự án đầu tư tái canh vườn cây cao su giai đoạn 2016-2020: Diện tích 6.511,12 ha; Tổng mức đầu tư 493,064 tỷ, trong đó vốn chủ sở hữu chiếm 50 %; Thời gian thực hiện dự án từ năm 2016-2045. Tiến độ thực hiện:

+ Năm 2016: Thực hiện diện tích trồng tái canh 1.659,95 ha với tổng chi phí 63,6 tỷ đồng.

+ Năm 2017: Thực hiện diện tích trồng tái canh 1.865,98 ha với tổng chi phí 55,7 tỷ đồng.

- Dự án nâng cấp hệ thống xử lý nước thải (HTXLNT) của các nhà máy chế biến cao su để bảo vệ môi trường:

+ Dự án nâng cấp HTXLNT nhà máy cao su Cẩm Mỹ: Tổng mức đầu tư 33,449 tỷ, triển khai tháng 3/2015, nhà thầu bàn giao chủ đầu tư năm 2016 và đã đưa vào hoạt động.

+ Dự án nâng cấp và tích hợp HTXLNT nhà máy cao su An Lộc - Xuân lập: Tổng mức đầu tư 54,518 tỷ; Năm 2017 đã bàn giao và đưa vào hoạt động.

c) Những thay đổi chủ yếu trong 03 năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới...): Không có.

d) Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Tổng Công ty đã thực hiện bằng nhiều biện pháp như rà soát tiết giảm chi phí, thay đổi chế độ cao, tăng sử dụng cơ giới hóa, hóa học hóa... trong chăm sóc, khai thác mù cao su. Do đó vẫn bảo đảm có lợi nhuận, bảo toàn vốn nhà nước và ổn định tiền lương để giữ chân người lao động.

*** Dự kiến thực hiện kế hoạch năm 2018:**

Năm 2018, dự kiến giá bán mù cao su không thuận lợi, sức mua giảm và diễn biến về thời tiết cũng không thuận lợi. Nhưng với nỗ lực của toàn thể CB.CNV Tổng Công ty sẽ phấn đấu đạt các chỉ tiêu chủ yếu về sản xuất, tài chính Tập đoàn đã phê duyệt, cụ thể:

- Sản lượng mù cao su thực hiện: 26.800 tấn.
- Sản lượng mù cao su tiêu thụ: 34.000 tấn.
- Tổng doanh thu, thu nhập: 1.819,92 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận: 653,993 tỷ đồng.
- Nộp ngân sách: 198,74 tỷ đồng.

2. Tình hình đầu tư tại các Công ty con:

2.1 Danh sách các Công ty con trên 50% VĐL và tình hình đầu tư:

Đơn vị tính ngàn đồng

Tên các Cty con	VĐL	Tỉ lệ	TCty góp	TCty góp vốn đến 31/12/2017
1- Cty TNHH MTV VRG - OUDOMXAY	352.482.640	100,00	352.483.640	1.207.250
2- Cty CP cao su Bảo Lâm	180.000.000	94,38	169.884.000	44.925.400
3- Cty CP CS Đồng Nai-Kratie	852.000.000	67,96	579.019.200	545.069.000
4- Cty CP KCN Long Khánh	120.000.000	58,33	70.000.000	70.000.000
5- Cty CP KCN Dầu Giây	120.000.000	61,67	74.400.000	73.998.000
6- Cty CP Ché Biển Gỗ	30.000.000	51,00	15.300.000	15.300.000
7- Cty TNHH MTV Địa ốc CSĐN	70.000.000	100,00	70.000.000	70.000.000
8- Cty CPCS Hàng Gòn	8.000.000	50,00	4.000.000	4.000.000
Cộng	1.732.482.640		1.334.667.180	824.499.650

2.2 Tóm tắt hoạt động tài chính các Công ty con:

2.2.1 Công ty TNHH MTV VRG – Oudomxay: Tổng mức đầu tư 391.646 triệu đồng; Vốn điều lệ 352.482 triệu đồng; Tổng Công ty góp 100% vốn điều lệ.

- Năm 2017: Dự án đang trong thời gian KTCB.

- Ước thực hiện năm 2018: Chăm sóc 1.380,60 ha cao su KTCB; Tổng giá trị đầu tư trong năm là 15.328 triệu đồng.

2.2.2 Công ty Cổ phần cao su Bảo Lâm: Tổng diện tích 1.1510,39 ha, trong đó: diện tích khai thác 750,07 ha.

- Năm 2017: Doanh thu 19.134 triệu đồng; Lợi nhuận sau thuế 96,51 triệu đồng.

- Ước thực hiện năm 2018: Doanh thu 28.442 triệu đồng; Lợi nhuận sau thuế 375 triệu đồng.

2.2.3 Cty cổ phần cao su Đồng Nai – Kratie: Tổng mức đầu tư 1.217.380 triệu đồng; Vốn điều lệ 852.000 triệu đồng; Diện tích vườn cây cao su 4.944,29 ha.

- Năm 2017: Dự án đang trong thời gian KTCB.

- Ước thực hiện năm 2018: Tổng diện tích là 4.944,29 ha, diện tích XD CB là 600,77 ha.

2.2.4 Công ty cổ phần KCN Dầu Giây: Đầu tư khu công nghiệp trên đất cao su với diện tích 330,804 ha, trong đó diện tích kinh doanh 205,74 ha.

- Năm 2017: Doanh thu 58.139 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế 40,545 tỷ đồng; Tỷ lệ chia cổ tức 20%.

- Ước thực hiện năm 2018: Doanh thu 71,319 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế 43,342 tỷ đồng; Cổ tức 22%; Diện tích cho thuê đạt 72,48%.

2.2.5 Công ty cổ phần KCN Long Khánh: Đầu tư khu công nghiệp trên đất cao su. Diện tích dự án: 256,04 ha, trong đó diện tích kinh doanh 175,15 ha. Tổng mức đầu tư là 470,253 tỷ đồng.

- Năm 2017: Doanh thu 61,22 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế 34,838 tỷ đồng.

- Ước thực hiện năm 2018: Doanh thu 73,201 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế 44,49 tỷ đồng; Cổ tức 18%; Tỷ lệ diện tích cho thuê đạt 82,73%.

2.2.6 Công ty cổ phần cao su Hàng Gòn: Nhà máy chế biến cao su, công suất 9.000 tấn/năm.

- Năm 2017: Doanh thu 51,146 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế 3,132 tỷ đồng; Cổ tức 20%.

- Ước thực hiện 2018: Doanh thu 52,504 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế 2,445 tỷ đồng; cổ tức 20%

2.2.7 Công ty TNHH MTV Địa ốc cao su Đồng Nai: Kinh doanh khu dân cư trên đất cao su. Hiện nay đang kinh doanh 04 dự án: Khu Dân cư Bàu Xéo, KDC Siêu thị Trảng bom, KDC Biệt thự Long an và Khu Dân cư Xóm Hố. Tổng diện tích là 54,31 ha, diện tích kinh doanh là 25,48 ha.

- Năm 2017: Doanh thu 38,606 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế 10,561 tỷ đồng;.

- Ước thực hiện 2018: Doanh thu 49,598 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế 11,827 tỷ đồng.

2.2.8 Công ty cổ phần chế biến gỗ cao su Đồng Nai: Công suất thiết kế từ 4.900 m³ đến 10.000m³ gỗ tinh chế (Hai giai đoạn). Tổng mức đầu tư là 104,978 tỷ đồng.

- Năm 2017: Doanh thu 159,25 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế 9,096 tỷ đồng; Cổ tức 10%.

CÁC CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 03 NĂM 2015-2017

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		03 Năm (2015-2017)		Số sánh TH/KH
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất										
a	- Sản lượng khai thác	tấn	28.500	27.600	24.300	24.316	24.200	26.341	77.000	78.257	102%
b	- Sản lượng thu mua	tấn	3.000	4.105	3.000	3.398	6.000	7.429	12.000	14.932	124%
c	- Sản lượng tiêu thụ	tấn	35.050	31.459	29.350	30.252	31.400	31.677	96.000	93.387	97%
	* theo chủng loại mù										
	- Mù khô	tấn	25.350	24.241	24.152	25.174	22.200	25.077	71.702	74.492	104%
	- Mù Latex	tấn	8.300	6.402	4.544	4.359	6.720	5.711	19.564	16.472	84%
	- Mù skim	tấn	1.400	756	818	678	1.280	837	3.498	2.271	65%
	- Mù khác	tấn	-	60	35	41	-	52	35	153	437%
	* theo tiêu thụ										
	Xuất khẩu	tấn	21.100	14.339	13.953	14.284	12.690	12.749	47.743	41.373	87%
	- Trực tiếp	tấn	18.700	12.948	13.280	13.612	11.990	12.508	43.970	39.068	89%
	- Ủy thác	tấn	2.400	1.391	673	673	700	241	3.773	2.305	61%
	Nội địa	tấn	13.950	17.120	15.597	15.968	18.710	18.927	48.257	52.015	108%
2	Tổng doanh thu, thu nhập	tỷ đồng	1.642,06	1.512,97	1.183,30	1.294,68	1.534,44	1.789,77	4.359,80	4.597,42	105%
3	- Doanh thu cao su	tỷ đồng	1.118,49	982,46	893,07	940,23	1.193,86	1.260,01	3.205,42	3.182,70	99%
4	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	500,42	515,97	250,92	309,65	432,91	648,01	1.184,25	1.473,63	124%
5	Nộp ngân sách	tỷ đồng	203,84	190,20	201,61	160,97	80,22	193,86	485,67	545,03	112%
6	Kim ngạch xuất khẩu	1.000 USD	32.614,00	21.422,04	19.728,00	20.896,38	21.797,44	20.892,84	74.139,44	63.211,26	85%
	Đầu tư phát triển	tỷ đồng	638,18	244,45	570,42	202,43	746,85	287,23	1.955,44	734,12	38%
	- Vốn Nhà nước	tỷ đồng	495,64	141,88	421,48	102,04	584,68	190,40	1.501,79	434,31	29%
	- Vốn vay	tỷ đồng	129,09	100,00	136,00	99,77	146,10	94,25	411,19	294,02	72%
	- Vốn khác	tỷ đồng	13,45	2,58	12,94	0,62	16,07	2,59	42,46	5,79	14%
7	Tổng lao động	Người	10.715	8.908	6.732	6.248	6.040	5.769	7.829,00	6.975,00	89%
8	Tổng quỹ lương	tỷ đồng	561,13	467,96	438,34	430,35	456,62	531,43	1.456,09	1.429,73	98%
	- Quỹ lương quản lý	tỷ đồng	2,08	2,51	3,48	2,04	2,84	3,61	8,40	8,15	97%
	- Quỹ lương lao động	tỷ đồng	559,04	465,45	434,86	428,30	453,78	527,83	1.447,68	1.421,58	98%

Đồng Nai, ngày tháng 06 năm 2018

TỔNG GIÁM ĐỐC



Người Lập biểu

(Signature)

Nguyễn Phạm Tường Loan
LH: 0937 975 012

Đỗ Minh Tuấn

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VN
 CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
 TỔNG CÔNG TY CAO SU ĐỒNG NAI
 MST: 3600259465

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC
 CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NĂM CÓ PHẦN CHI PHỐI**

Số TT	Tên doanh nghiệp	Thực hiện năm 2015			Thực hiện năm 2016			Thực hiện năm 2017			Ước thực hiện năm 2018		
		Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ góp vốn của Cty Mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ góp vốn của Cty Mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ góp vốn của Cty Mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ góp vốn của Cty Mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)
1	Các Cty con do Cty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ Cty TNHH ITV Địa ốc Cao su Đồng Nai Cty TNHH MTV VRG-Quodomxay	70,00	100,00	70,00	70,00	100,00	70,00	70,00	100,00	70,00	100,00	70,00	
2	Các Cty con do Cty mẹ nắm giữ cổ phần chi phối Cty CP cao su Bảo Lâm Cty CP cao su Đồng Nai-Kratite Cty CP Khu Công nghiệp Long Khánh Cty CP Khu Công nghiệp Dầu Giây Cty CP Chế Biến Gỗ Cty CP cao su Hàng Gòn	55,00 708,00 120,00 120,00 30,00 8,00	81,68 61,44 58,33 61,67 51,00 50,00	44,93 435,00 70,00 74,00 15,30 4,00	180,00 852,17 120,00 120,00 30,00 8,00	81,68 61,64 58,33 61,67 51,00 50,00	44,93 494,01 70,00 74,00 15,30 4,00	180,00 852,17 120,00 120,00 30,00 8,00	180,00 852,17 120,00 120,00 30,00 8,00	94,38 67,96 58,33 61,67 51,00 50,00	44,93 545,07 70,00 74,00 15,30 4,00	94,38 67,96 58,33 61,67 51,00 50,00	149,99 578,67 70,00 74,00 15,30 4,00
	Cộng ...	1.111,000		714,437	1.732,650		773,447	1.732,650		824,499	1.732,650	1.176,909	

* Ghi chú: Tổng vốn đầu tư là lũy kế vốn đầu tư

Người Lập biểu



Nguyễn Phạm Tường Loan
 LH: 0937 975 012

Đồng Nai, ngày 20 tháng 06 năm 2018
TỔNG GIÁM ĐỐC



Đỗ Minh Tuấn